

Bản án số: 86/2019/HS-PT
Ngày 07 - 3 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng
Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Nhi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 309/2018/HSPT ngày 08/6/2018 đối với các bị cáo Lê Thanh BC1, Dương Thanh BC2, Nguyễn Tấn BC3, Nguyễn Hoàng BC4, Nguyễn Quang BC5, Lục Thị Thu BC6 do có kháng nghị của của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2018/HSST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 846/2018/QĐXXPT-HS ngày 10/11/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;

- Các bị cáo bị kháng nghị:

1. Lê Thanh BC1, tên gọi khác: BC1 Bò cạp, sinh năm 1977 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nam; nơi thường trú: Số 35 Đường 1B, phường A1, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: A1-206 Chung cư Green Hills, Đường số 1, Khu phố 3, phường A2, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Lê Văn T và bà Đỗ Thị H; có vợ Huỳnh Thị Ngọc N và 01 con sinh năm 1997; nhân thân và tiền án, tiền sự (được thu thập trong hồ sơ thể hiện): Bản án số 299/HSPT ngày 19/8/1995 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt ngày 24/11/1996; Bản án số 15/HSST

ngày 25/01/2002 bị Tòa án nhân dân Quận 3 xử phạt 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt ngày 15/10/2006; Bản án số 271/HSST ngày 17/10/2007 bị Tòa án nhân dân quận X2 xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong hình phạt vào tháng 12/2007 tiền sự; Bản án số 186/HSST ngày 27/11/2009 bị Tòa án nhân dân Quận 10 tuyên phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt năm 2015;

Bị bắt, tạm giam trong vụ án ngày 08/10/2016. (có mặt).

2. Dương Thanh BC2, tên gọi khác: BC2 Lắc, sinh năm 1973 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nam; nơi thường trú: 434/5 Huỳnh Tấn Phát, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 172/6 Lâm Văn Bền, phường A3, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: lái xe; con ông Dương Văn H1 và bà Trần Thị H2; có vợ Trần Thị Kim D và 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2007; nhân thân và tiền án, tiền sự (được thu thập trong hồ sơ thể hiện): Bản án số 27/HSST ngày 11/11/1991 bị Tòa án nhân dân huyện X3 xử phạt 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”; Bản án số 2448/HSST ngày 25/11/1998 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”; Bản án số 18/HSPT ngày 08/01/2010 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt ngày 16/10/2014;

Bị bắt, tạm giam ngày 08/10/2016. (có mặt).

3. Nguyễn Tấn BC3, sinh năm 1970 tại Campuchia; giới tính: nam; nơi thường trú: không nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; chỗ ở: không nơi ở nhất định; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Tấn Đ và bà Đặng Thị N; có vợ Tôn Nữ Thị Thanh T và 01 con sinh năm 1991; nhân thân và tiền án, tiền sự (được thu thập trong hồ sơ thể hiện): Bản án số 49/HSST ngày 24/7/1992 bị Tòa án nhân dân huyện X3 xử phạt 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, đã chấp hành xong hình phạt; Bản án số 1464/HSST ngày 20/7/1998 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 14 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt ngày 20/3/2011; Bản án số 24/2013/HSST ngày 16/5/2013 bị Tòa án nhân dân huyện X4, tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt năm 2015;

Bị bắt, tạm giam ngày 08/10/2016. (có mặt).

4. Nguyễn Hoàng BC4, sinh năm 1992 tại Hậu Giang; giới tính: nam; nơi thường trú: Khu vực 5, phường A4, thị xã A5, tỉnh Hậu Giang; chỗ ở: không nơi ở nhất định; trình độ văn hóa: không biết chữ; nghề nghiệp: không; con ông

Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Thu N; chưa có vợ, con; nhân thân và tiền án, tiền sự (được thu thập trong hồ sơ thể hiện): Bản án số 05/2010/HSST ngày 07/01/2010 bị Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Bị bắt, tạm giam ngày 08/10/2016. (có mặt).

- Các bị cáo bị xét xử sơ thẩm không có kháng cáo không bị kháng nghị:

5. Nguyễn Quang BC5, tên gọi khác: BC5 Chì, sinh năm 1964 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nam; nơi thường trú: 958/63/1 Lạc Long Quân, Phường 8, quận X5, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 112/10A Trường Chinh, Khu phố 2, phường A6, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: xây dựng; con ông Nguyễn Quang C và bà Trương Thị T (đều đã chết); có vợ Nguyễn Thị L; nhân thân và tiền án, tiền sự (được thu thập trong hồ sơ thể hiện): Bản án số 135/HSST ngày 05/8/1985 bị Tòa án nhân dân Quận 5 xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 60/HSPT ngày 06/3/1993 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt ngày 15/01/1994; Bản án số 201/HSPT ngày 12/4/2000 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, chấp hành xong hình phạt tháng 9/2000; Bản án số 593/HSST ngày 19/12/2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 18 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 24/4/2004; Bản án số 217/HSST ngày 31/10/2013 bị Tòa án nhân dân quận X6 xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt ngày 10/6/2014. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/10/2016, đến ngày 24/3/2017 thay đổi biện pháp tạm giam bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại. – Vắng mặt

6. Lục Thị Thu BC6, sinh năm: 1975 tại Quảng Ngãi; giới tính: nữ; nơi thường trú: Số 33/26/17 Gò Dầu, phường Q1, quận X6, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: nội trợ; con ông Lục Tấn S và bà Lê Thị N; có chồng Nguyễn Văn C và 01 con sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Tại bản án số 1842/HSST ngày 06/10/2003 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù, chấp hành xong hình phạt ngày 21/5/2004, đã thi hành án phí và các khoản khác; bị cáo tại ngoại (Không kháng cáo) - có mặt.

- Người bào chữa:

1. Luật sư Nguyễn Ngọc D - thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Lê Thanh BC1. (có mặt).

2. Luật sư Trịnh Bá T - thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa chỉ định cho bị cáo Dương Thanh BC2. (có mặt).

4. Luật sư Nguyễn Văn T1 - thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Hoàng BC4 và bị cáo Nguyễn Tấn BC3. (có mặt).

- *Bị hại:* Bà Lục Thị Thu BC6, sinh năm: 1975; trú tại: 33/26/17 Gò Dầu, phường Q1, quận X6, Thành phố Hồ Chí Minh - là bị cáo trong vụ án. (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hồng Thuận NLQ1; trú tại: 101/31 Đình Nghi Xuân, phường Bình Trị Đông, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Ấp 2, Tổ 10 Võ Văn Văn, xã Q4, huyện Q2, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

2. Ông Quách Thanh NLQ2; trú tại: 148/12/50/15/30 Tôn Đản, Phường 8, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 35/37E Lê Thị Hồng Gấm, phường Q3, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

3. Bà Hà Thị Ngọc NLQ3; trú tại: 35/37E Lê Thị Hồng Gấm, phường Q3, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

4. Ông Lê Hoàng NLQ4; trú tại: khóm 5, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở: 42/49/8 Khu phố 6, Đường số 5, phường Bình Hưng Hòa A, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

5. Ông Nguyễn Văn NLQ5; trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn Ma Đa Gui, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Hoàng NLQ6; trú tại: 6A/11 Văn Cao, phường Q5, quận X6, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: B15/5B Cây Cám, xã Q4, huyện Q2, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị Hoàng NLQ7; trú tại: 6A/11 Văn Cao, phường Q5, quận X6, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: B15/5B Cây Cám, xã Q4, huyện Q2, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

8. Ông Nguyễn NLQ8; trú tại: thôn Q6, xã Q7, huyện Q8, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở: 41 Đỗ Thừa Luông, phường Q1, quận X6, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

9. Ông Nguyễn Chung NLQ9; trú tại: 11 Nguyễn Ngọc Nại, phường Q10, quận Q9, Thành phố Hà Nội. (vắng mặt).

10. Ông Nguyễn NLQ10; trú tại: 25/6 Đường số 10, Khu phố 5, phường A2, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quang BC5 chơi hụi với Lục Thị Thu BC6, biết BC6 chuyên ghi số đề qua tin nhắn điện thoại tại nhà nên BC5 giới thiệu Lê Thanh BC1 với BC6 để chơi số đề, BC5 sẽ trực tiếp nhận tiền đề thắng thua giữa BC1 và BC6 để được cho tiền huê hồng. BC1 sử dụng số điện thoại 01235555949 nhắn tin đến số điện thoại 0974824020 của BC6 mua số đề dựa trên kết quả xổ số của các công ty xổ số kiến thiết miền Nam và miền Bắc vào ngày 02 và 03/10/2016, tổng cộng hai ngày chơi, BC1 thua 13.870.000 đồng.

Đến ngày 04/10/2016, BC5 được Quách Thanh NLQ2 (quen biết tại tiệm game bắn cá của BC5) giới thiệu với một đối tượng tên X (không rõ lai lịch) là người có khả năng dùng kỹ thuật công nghệ để can thiệp vào tin nhắn điện thoại và sửa số đề không trùng thành số trúng. Trong ngày 04/10/2016, tại nhà của BC1 thì BC5, BC1, NLQ2 và vợ chồng X đã cùng nhau bàn bạc đánh số đề gian lận với BC6. Cả nhóm thống nhất sẽ nhắn tin cho BC6 đánh số đề đài các tỉnh miền Nam, nếu đánh đề đài các tỉnh miền Nam thua thì đến 18 giờ sẽ nhắn tin đánh tiếp số đề đài miền Bắc. Sau khi có kết quả xổ số các đài miền Nam, X sẽ sửa lùì thời gian trong điện thoại gửi tin nhắn đánh số đề rồi tiếp tục nhắn tin cho BC6 để đánh số đề với các số đã có kết quả xổ số. Số tiền thắng đề do gian lận sẽ được chia cho NLQ2 và vợ chồng X là 30%, số tiền còn lại sẽ chia đôi cho BC5 và BC1. Để thực hiện sửa đổi tin nhắn đánh đề, BC1 dùng sim số 01235555949 giao cho X gắn vào điện thoại để nhắn tin đánh đề đến số điện thoại 0974824020 của BC6. Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 04/10/2016, khi có kết quả xổ số thì tổng số tiền đề BC1 thua là 29 triệu đồng. Đến 18 giờ cùng ngày, X tiếp tục nhắn tin để mua số đề đài miền Bắc. Khoảng 18 giờ 15 phút đến 18 giờ 20 phút cùng ngày, sau khi có kết quả, BC1 thắng 84.870.000 đồng. Sau khi BC6 trừ đi tiền BC1 đã thua trước đó là 29 triệu đồng và tiền BC1 thua đề ngày 03/10/2016 là 13.870.000 đồng, tổng cộng BC6 phải trả BC1 số tiền 42.000.000 đồng.

Tuy nhiên, sau khi có kết quả xổ số đài miền Bắc ngày 04/10/2016, X bắt đầu sửa thời gian trên điện thoại của mình lùì lại trước giờ xổ số 15 phút và nhắn tin đánh các số đề đã có kết quả xổ số, cụ thể: số “đá số 08-26” với số tiền 100.000 đồng, kết quả: trúng 65.000.000 đồng; số “7608” bao lô với số tiền 80.000 đồng, kết quả: trúng 440.000.000 đồng; số “608” bao lô với số tiền 300.000 đồng, kết quả: trúng 195.000.000 đồng; số “08” bao lô với số tiền 2.000.000 đồng, kết quả: trúng 450.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền mà BC1 trúng đề là 1.150.000.000 đồng.

Do thấy BC1 nhắn tin đánh số đề sau khi có kết quả xổ số nên BC6 liên lạc với BC5 báo sự việc yêu cầu giải quyết. Khoảng 21 giờ cùng ngày, BC5, BC1 và 01 người phụ nữ (không rõ lai lịch, là vợ của X) đến nhà BC6 đặt lên bàn chiếc điện thoại có tin nhắn mua số đề trúng đài miền Bắc mà các tin nhắn này BC6 nhận lúc 18 giờ 22 phút. Vợ X nói đây là bằng chứng đã mua số đề trước giờ xổ số. Khi kiểm tra, thời gian nhận tin nhắn trên điện thoại của BC6 và của BC1 chênh lệch nhau 15 phút. Do không thống nhất với nhau về thời gian nên BC6 cũng không chịu thanh toán số tiền trúng đề. Đến khoảng 10 giờ ngày 05/10/2016, BC6 hẹn BC5 ra ngoài quán nước để đưa BC5 số tiền 42.000.000 đồng mà BC1 thắng đề các ngày trước đó.

Khoảng 12 giờ ngày 05/10/2016, BC1 cùng Dương Thanh BC2, Nguyễn Tấn BC3 và Nguyễn Hoàng BC4 đi xe taxi từ nhà của BC1 đến nhà BC6 để đòi tiền thắng đề là 1.150.000.000 đồng. Khi đi, BC3 mang theo súng tự chế (giống như súng săn), BC1 mang theo súng bắn đạn bi nhằm mục đích đe dọa, uy hiếp tinh thần BC6, buộc phải đưa tiền thắng đề. Khi đến nhà BC6, thấy chỉ có một mình BC6 ở nhà, BC1 gọi BC6 ra để đòi tiền. Khi BC6 ra cửa nhà, BC1 và BC3 cầm súng mang theo chỉ thẳng vào người BC6 uy hiếp nhưng không nói gì. Do hoảng sợ, BC6 vào nhà đóng cửa, BC2 dùng tay đập mạnh vào cửa hàng rào, BC4 dùng gạch ống ném lên cao hướng để gạch rơi vào mái nhà BC6 rồi cả nhóm bỏ đi.

Đến 13 giờ 20 phút ngày 05/10/2016, sau khi đã hủy số điện thoại dùng để bán số đề, xóa toàn bộ tin nhắn (đi-đến), cuộc gọi (đi-đến), BC6 đến Công an phường trình báo sự việc như trên (không thu được các tin nhắn mua số đề mà BC1 đã nhắn đến). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận X6 đã đề nghị Phòng PC54 Công an Thành phố Hồ Chí Minh phục hồi lại dữ liệu điện thoại của BC6 để thu dữ liệu BC6 ghi đề trong các ngày 02/10, 03/10, 04/10. Kết quả: không thực hiện được.

Đến chiều ngày 06/10/2016, BC4 đi đến nhà Nguyễn Hoàng NLQ6 và đưa cho BC1 một ba lô mà không nói gì bên trong. Khi BC1 dọn vệ sinh trong nhà thì phát hiện bên trong ba lô mà BC4 mang đến có 01 (một) cây đèn pin, 01 (một) cây súng tự chế, 02 (hai) viên đạn. BC4 sử dụng xe mô tô hiệu Max biển số 65F5-6945 chở Lê Hoàng NLQ4 đến quán cà phê tại số 11 Trần Quang Cơ, phường Q5, quận X6, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi vào quán thấy có BC1, BC2, BC3, Nguyễn Văn NLQ5 và Z (không rõ lai lịch), BC2 điện thoại kêu Quách Thanh NLQ2 lên quán cà phê này để nhờ NLQ2 gọi BC5 đến giải quyết việc tiền bạc liên quan đến số đề. Trong khi chờ NLQ2 đến thì 15 giờ 30 phút, BC4 chở Hiệp, Z chở NLQ5 đến nhà vợ của BC5 tại số 32 Hoàng Ngọc Phách, phường Phú Thọ Hòa, quận X6, Thành phố Hồ Chí Minh tìm BC5 nhưng không gặp nên quay lại quán cà phê. Sau đó, Quách Thanh NLQ2 cũng đến quán cà

phê. Đến 16 giờ cùng ngày, tất cả bị Công an Quận X6 mời về trụ sở làm việc. Trong lúc ngồi uống cà phê, BC4 điện thoại kêu Nguyễn Hoàng NLQ6 mang chiếc ba lô trên ra đường Nguyễn Sơn, quận X6, Thành phố Hồ Chí Minh để giao cho BC4. Do Nguyễn Hoàng NLQ6 bận nên nhờ Hồng Thuận NLQ1 đến nhà đem ba lô này giao cho BC4, Phát điều khiển chiếc xe mô tô biển số 51R4-9049 đến nhà Nguyễn Hoàng NLQ6 lấy ba lô đi giao, trên đường đi, Phát đón chị gái của BC1 là Nguyễn Thị Hoàng NLQ7 đi cùng, khi đang trên đường đến điểm hẹn thì bị Công an quận X6 mời về làm việc và tạm giữ chiếc ba lô bên trong có các đồ vật trên.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận X6, Lê Thanh BC1 khai nhận đi đến nhà BC6 để đòi số tiền 1.150.000.000 đồng tiền thắng đề. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, BC1 cùng đồng phạm thay đổi lời khai, khai nhận chỉ đến nhà BC6 đòi số tiền thắng đề ngày 04/10/2016 là 42.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định BC1 đã cùng đồng bọn chỉnh sửa tin nhắn mua số đề vào ngày 04/10/2016 với mục đích trúng số đề các số đã xổ đài miền Bắc và đã trúng được số tiền 1.150.000.000 đồng bằng cách sửa tin nhắn trước giờ xổ số. Do vậy, vào các ngày 04 và 05/10/2016, BC1 đã cùng đồng phạm đến nhà BC6 để đòi số tiền trúng đề này chứ không phải là số tiền 42.000.000 đồng như BC1 và các đồng phạm khai báo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Tiến hành khám xét chỗ ở của Lê Thanh BC1 phát hiện 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy tổng hợp và 01 gói nhỏ chất bột màu trắng, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4489g loại Methamphetamine (Theo kết luận giám định số 1824/KLGD-H ngày 28/10/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh). Qua điều tra, Lê Thanh BC1 khai nhận: vào ngày 02/6/2016, đối tượng tên Bi (không rõ lai lịch) mang ma túy cùng dụng cụ sử dụng ma túy đá đến nhà BC1 để sử dụng chung với BC1. Sau khi sử dụng được một phần ma túy, phần còn lại BC1 cất giữ tại nhà để tiếp tục sử dụng thì bị khám xét thu giữ như trên. Bản thân BC1 có tiền án bị xử phạt 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 186/HSST ngày 27/11/2009 chưa được xóa án tích.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra còn thu giữ của Hồng Thuận NLQ1 một ba lô chứa 01 khẩu súng tự chế bằng kim loại có cán bằng gỗ, tổng chiều dài 45 cm (ký hiệu A1) và 01 khẩu súng bắn đạn bi không có hộp tiếp đạn (ký hiệu A2), là của Nguyễn Hoàng BC4 gửi tại nhà Nguyễn Hồng NLQ6. Trước đó, BC1 gọi điện cho Phát đến nhà lấy ba lô có chứa các vũ khí trên để đi giao ma túy thì bị Công an mời về trụ sở và thu giữ.

Tại kết luận giám định số 1241/KLGD-TT ngày 14/10/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: “Khẩu súng ký hiệu A1: là súng tự chế theo cấu tạo và hình dạng của súng săn. Căn cứ vào kết quả bắn thực nghiệm và chiếu theo quy định tại khoản 3 điều 3 Pháp lệnh số 16 về Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/6/2011 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2012) và khoản 1 điều 3 Nghị định 25 quy định chi tiết thi hành một số điều của pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ do chính phủ ban hành ngày 05/4/2012 thì khẩu súng này có tác dụng tương tự súng săn. Khẩu súng ký hiệu A2: là súng bắn đạn bi cỡ 6mm bằng khí nén, súng thiếu bộ phận hộp tiếp đạn. Căn cứ vào khoản a Mục 2 Quyết định 464/QĐ-BNV(C13) ngày 27/12/1993 của Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) ban hành thì khẩu súng này thuộc nhóm đồ chơi nguy hiểm bị cấm”.

Tại công văn số 1241a/CV-PC54(Đ3) ngày 05/4/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh trả lời: 02 khẩu súng gửi giám định ký hiệu A1, A2 nêu trong kết luận giám định số 1241/KLGD-TT, ngày 14/10/2016 không phải là vũ khí quân dụng.

Tại cơ quan điều tra, Lê Thanh BC1 và các đồng phạm đã khai nhận hành vi như trên. Sau đó, BC1, BC3, BC2, BC4 đã thay đổi lời khai, chỉ thừa nhận đến nhà BC6 để đòi nợ số tiền 42.000.000 đồng tiền trúng đề trước đó, nhưng căn cứ vào lời khai ban đầu của các bị cáo và tài liệu trong hồ sơ xác định BC1 và đồng phạm mang hung khí đến nhà BC6 để đòi 1.150.000.000 đồng tiền trúng đề gian lận.

Tại bản Cáo trạng số 115/CT-VKS-P2 ngày 26/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Bị cáo Lê Thanh BC1 về các tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 135; “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 và “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Các bị cáo Dương Thanh BC2, Nguyễn Tấn BC3, Nguyễn Hoàng BC4 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Các bị cáo Nguyễn Quang BC5 và Lục Thị Thu BC6 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại bản án hình sự số 127/2018/HSST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh BC1 phạm các tội “Cưỡng đoạt tài sản”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Đánh bạc”; các bị cáo Dương Thanh BC2, Nguyễn

Tân BC3, Nguyễn Hoàng BC4 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”; các bị cáo Nguyễn Quang BC5 và Lục Thị Thu BC6 phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng Điều 7, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 135; khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 50; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt Lê Thanh BC1 04 (bốn) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ tái phép chất ma túy”, 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả ba tội là 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2016.

Buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 135; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt Nguyễn Tân BC3 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2016.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt Nguyễn Hoàng BC4 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2016.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt Dương Thanh BC2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2016.

5. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt Nguyễn Quang BC5 05 (năm) tháng 16 (mười sáu) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2016 đến ngày 24/3/2017, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt Lục Thị Thu BC6 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lục Thị Thu BC6 cho UBND phường Q1, quận X6, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

Ghi nhận người bị hại Lục Thị Thu BC6 chưa bị thiệt hại, không có yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Ngoài ra bản án còn buộc các bị cáo phải nộp án phí, tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Sau khi xử sơ thẩm:

Ngày 23/5/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm số 127/2018/HSST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo bị truy tố phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là đúng. Vì vậy Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa cấp phúc thẩm hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm số 127/2018/HSST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản” để điều tra xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa trình bày lời khai giữ nguyên nội dung đã khai tại phiên tòa sơ thẩm. Tất cả cùng đề nghị Tòa cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, các bị cáo cũng như bà Lục Thị Thu BC6 không nêu ra được lý do vì sao các lời khai ban đầu tại cơ quan điều tra lại khác nội dung tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay cụ thể:

- Bị cáo BC1 cho rằng ban đầu do tức Nguyễn Quang BC5 đã không chung tiền cho BC1 khi thắng đề, trong khi BC1 thua đề thì lại đòi tiền thua của BC1 đầy đủ nên, đã khai liệt kê số tiền thắng đề 1.150.000 đồng chứ không phải là mục đích đi đòi BC6 số tiền đó. Lục Thị Thu BC6 khai không xác định được các bị cáo trong nhóm của BC1 đến đòi bao nhiêu tiền nhưng xác định trước khi xảy ra sự việc đòi tiền tại nhà BC6 thì Nguyễn Quang BC5 đã đề nghị BC6 đưa cho BC5 100.000.000 đồng để BC5 lo dàn xếp chuyện này với BC1. Vì vậy mà 10 giờ ngày 05/10/2016 BC6 đã giao cho BC5 42 triệu đồng. Lục Thị Thu BC6 xác nhận bản án sơ thẩm nêu về hành vi đánh bạc thắng thua của các lần là đúng, bản án sơ thẩm xử bị cáo một năm tù cho hưởng án treo là đúng nên bị cáo không kháng cáo. Ngoài ra bà BC6 cũng xác định đã từng bị tòa án xử 12 tháng tù về tội đánh bạc nhưng, do hoàn cảnh khó khăn nên bà BC6 vẫn phải ghi đề kiếm sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm xét xử vụ án cho rằng: Quá trình tiến hành Tổ tụng của các cơ quan Tổ tụng cấp sơ thẩm là chưa đầy đủ. Hội đồng xét xử nhận định đánh giá chứng cứ chưa khách quan xét xử các bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 (một bị cáo xử khoản 2) Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là chưa đúng. Vì vậy Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2018/HSST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản” để điều tra xét xử lại.

Ngoài ra, căn cứ các chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện bản án sơ thẩm cũng đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khác mà trong quyết định kháng nghị chưa đề cập cụ thể:

- Trường hợp nếu lấy tình tiết định khung hình phạt là “Tái phạm nguy hiểm” để xét xử bị cáo nhưng bản án sơ thẩm chỉ xử một bị cáo BC3 với tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm” theo khoản 2 Điều 135 BLHS là sai sót. Vì các Bị cáo BC1, bị cáo BC2 có lý lịch tư pháp được thu thập trong hồ sơ vụ án thể hiện lần phạm tội này cũng thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”.

- Đối với tội danh ”Đánh bạc” các bị cáo bị xử theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự là không đúng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo. Vì trong vụ án này các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc ba lần trong đó có một lần tổng số tiền đánh bạc trên 84 triệu đồng thuộc tình tiết định khung hình phạt tại khoản 2 Điều 248 BLHS. Hơn nữa, trong vụ án bị cáo BC6 là người trực tiếp ghi đề, bị cáo đã bị xử án về hành vi đánh bạc, bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần nhưng bản án sơ thẩm cho bị cáo BC6 được

hưởng án treo là sai. Chính vì vậy, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 345 BLTTHS quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm để xem xét cả những nội dung không có kháng cáo kháng nghị.

Từ những phân tích nhận định nêu trên vị Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử hủy án bản án sơ thẩm số 127/2018/HSST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đối với các tội “ Cưỡng đoạt tài sản” và tội “ Đánh bạc”; giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết lại từ giai đoạn điều tra.

Các luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày:

Căn cứ các chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, lời khai của người bị hại và các bị cáo thì bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “ Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 135 Bộ Luật hình sự năm 1999 là đúng người đúng tội không sai. Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng cho rằng với các chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án chưa đủ cơ sở để xét xử các bị cáo như bản cáo trạng truy tố. Do vậy phải áp dụng nguyên tắc có lợi cho các bị cáo để xử các bị cáo theo khoản 1 Điều 135 BLHS là đúng. Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định điện thoại rồi nhưng do kết luận giám định kết luận là không giám định được chứ không phải là chưa giám định. Căn cứ các chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án thể hiện các bị cáo đến nhà bà BC6 để đòi số tiền thắng đề 42 triệu chứ không phải là đòi số tiền 1.150.000.000 đồng như cáo trạng truy tố. Do vậy các luật sư đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận phần kết luận của vị kiểm sát viên giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bên cạnh đó thì các vị luật sư cũng đề nghị Hội đồng xét xử xét tính hợp pháp của việc vị đại diện viện kiểm sát đề nghị hủy bản án đối với tội “Đánh bạc” khi không có kháng cáo kháng nghị đối với tội danh này. Hơn nữa, căn cứ lý lịch nhân thân bị cáo thì các bị cáo có nhiều tiền án là thuộc vấn đề nhân thân và là tình tiết định khung tăng nặng không phải là định khung như vị kiểm sát viên đề nghị.

Phản tranh luận đối đáp Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao nêu:

- Các luật sư cho rằng cấp sơ thẩm đã tiến hành giám định rồi là không đúng bởi cơ quan Tổ tụng cấp sơ thẩm chỉ yêu cầu cơ quan giám định công an Thành phố Hồ Chí Minh giám định về viễn thông là không đúng chưa đầy đủ. Phải trưng cầu cơ quan chuyên môn trong lĩnh vực Viễn thông (Sở Thông tin – truyền thông; Trung tâm Viễn thông) hoặc cơ quan Phòng, chống tội phạm công nghệ cao từ đó yêu cầu phục hồi những dữ liệu, thông tin điện thoại của các bị cáo và bị hại có liên quan đến việc đánh đề trong các ngày 02/10, 03/10, 04/10/2016 để làm chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo.

- Căn cứ điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì phạm vi xét xử phúc thẩm có quyền xét xử cả những phần không có kháng cáo kháng nghị khi xét thấy cần thiết. Cụ thể, trong vụ án này cấp phúc thẩm đã hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại một tội danh có kháng nghị nên khi phát hiện sai phạm về việc truy tố xét xử của cấp sơ thẩm đối với tội danh không có kháng cáo, kháng nghị thì Hội đồng xét xử phúc thẩm có quyền hủy bản án sơ thẩm cả về tội danh này.

Do vậy, Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm kết luận nêu trên.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở các chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra và việc khai nhận của các bị cáo tại phiên Tòa sơ thẩm, phúc thẩm nêu trên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận định:

[1] Căn cứ nội dung Kháng nghị của Viện Trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo khoản 1 Điều 135 BLHS nhưng lại không xác định được số tiền cụ thể các bị cáo nhằm chiếm đoạt là bao nhiêu? Trong khi lời khai của các bị cáo và người bị hại đều khai rõ ràng, cụ thể và thống nhất số tiền uy hiếp, ép buộc bị hại phải trả là 1.150.000.000đ. Bên cạnh đó bản án sơ thẩm lại nhận định các bị cáo đến nhà bị hại BC6 chiếm đoạt số tiền 42 triệu đồng, tiền thắng đề các ngày trước chứ không phải chiếm đoạt số tiền 1.150.000.000đ (*như nhận định tại trang 15 của bản án*). Nhận định như vậy cũng không phù hợp, vì số tiền 42 triệu đồng bị hại BC6 tự nguyện trả trước khi các bị cáo uy hiếp, đe dọa dùng vũ lực, ép buộc bị hại BC6 phải trả số tiền này. Bên cạnh đó thì nội dung kháng nghị còn cho rằng cần phải điều tra làm rõ các vấn đề sau:

- Yêu cầu cơ quan chuyên môn trong lĩnh vực Viễn thông xác định việc các bị cáo thực hiện sửa lùì thời gian tin nhắn trong điện thoại, có thực hiện được hay không và được thực hiện như thế nào?

- Phải trưng cầu cơ quan chuyên môn trong lĩnh vực Viễn thông (Sở Thông tin – truyền thông; Trung tâm Viễn thông) hoặc cơ quan Phòng, chống tội phạm công nghệ cao để yêu cầu phục hồi những dữ liệu, thông tin điện thoại của các bị cáo và bị hại có liên quan đến việc đánh đề trong các ngày 02/10, 03/10, 04/10/2016 để làm chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo.

- Cần tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ nhân thân, lai lịch đối tượng tên X và vợ, là người thực hiện hành vi gian lận trong đánh đề. Đây là đối tượng quan trọng trong vụ án, cần truy nã, bắt giữ để xử lý triệt để, tránh bỏ lọt người phạm tội. Hơn nữa, cơ quan Tố tụng cũng cần làm rõ vai trò của Nguyễn Quang BC5 đối với tội danh “Cưỡng đoạt tài sản” cụ thể là việc BC5 đề nghị bà BC6 đưa 100 triệu đồng để dàn xếp với nhóm của Tâm.

Với nội dung phân tích trên Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng hủy một phần bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo Lê Thanh BC1, Dương Thanh BC2, Nguyễn Tấn BC3 và Nguyễn Hoàng BC4 về tội Cưỡng đoạt tài sản, để điều tra lại theo qui định của pháp luật. Phần đề nghị này có căn cứ nên chấp nhận.

[2] Hơn nữa, căn cứ lý lịch của các bị cáo trong vụ án ngoài bị cáo Nguyễn Tấn BC3 bản án sơ thẩm xác định lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm thì còn các bị cáo khác như Lê Thanh BC1, Dương Thanh BC2 cơ quan Tố tụng cấp sơ thẩm chưa xác định và phân loại đâu là nhân thân đâu là tiền án của các bị cáo. Từ đó, Tòa cấp sơ thẩm không xác định các bị cáo phạm tội lần này là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là không đúng. Do vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận xét xử các bị cáo theo khoản 4 điều 135 Bộ luật hình sự như cáo trạng truy tố, thì không thể chỉ xét xử một mình bị cáo BC3 theo khoản 2 Điều 135 BLHS với tình tiết định khung hình phạt là “Tái phạm nguy hiểm” là hậu quả của sai sót trong việc xác định tiền án, tiền sự và nhân thân.

[3] Đối với hành vi “Đánh bạc” của các bị cáo Lê Thanh BC1, Nguyễn Quang BC5 và Lục Thị Thu BC6, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định và áp dụng Khoản 1, Điều 248 Bộ Luật hình sự để phán xử bị cáo BC1 09 tháng tù, bị cáo BC5 05 tháng 16 ngày tù, bị cáo BC6 một năm tù nhưng cho bị cáo BC6 hưởng án treo là không đúng cụ thể:

- Bản án sơ thẩm đã nhận định tại Trang 12: “Vào các ngày 02, 03, 04 tháng 10/2016, BC1 sử dụng số điện thoại 01235555949 nhắn tin đến số điện thoại 0974824020 của BC6, mua số đề dựa trên kết quả xổ số của các công ty xổ số kiến thiết miền Nam và miền Bắc. Ngày 02 và 03/10/2016, BC1 thua 13.870.000 đồng. Ngày 04/10/2016, BC1 đã tháo sim số 01235555949 giao cho X (không rõ lai lịch) gắn vào điện thoại của X nhờ X nhắn tin đánh đề giùm BC1 đến số điện thoại 0974824020 của BC6. Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 04/10/2016, khi có kết quả xổ số thì BC1 thua 29.000.000 đồng. Đến 18 giờ cùng ngày, BC1 nhờ X tiếp tục nhắn tin để mua số đề đài miền Bắc, kết quả BC1 thắng 84.870.000 đồng. Sau khi BC6 trừ đi số tiền BC1 đã thua trước đó là 29.000.000 đồng và tiền BC1 thua đề ngày 03/10/2016 là 13.870.000 đồng, tổng cộng BC6 phải trả BC1 số tiền

42.000.000 đồng”. Với nội dung này đã xác định các bị cáo đã thực hiện 03 lần đánh bạc trong ba ngày liên tiếp và lần nào cũng đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc. Trong đó có một lần số tiền thắng 84.870.000 đồng > 50.000.000 đồng (thuộc tình tiết định khung hình phạt khoản 2 điều 248 Bộ Luật hình sự). Mặt khác bản án sơ thẩm nhận định do phạm vi xét xử mà cấp sơ thẩm chỉ xử các bị cáo theo Khoản 1, Điều 248 là không đúng vì Tòa án có quyền xét xử các bị cáo thuộc khung hình phạt cao hơn khung hình phạt do Viện kiểm sát truy tố.

- Bản án sơ thẩm xử bị cáo BC6 một năm tù nhưng cho bị cáo BC6 hưởng án treo là không đúng bởi bị cáo phạm tội nhiều lần, là người trực tiếp thực hiện hành vi, bản thân đã từng bị xét xử về hành vi phạm tội Đánh bạc.

Từ phân tích nhận định nêu trên phản ánh bản án sơ thẩm sai về việc áp dụng khung hình phạt và tình tiết định khung hình phạt khi xét xử; tuyên mức án chưa tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, vi phạm điểm đ Khoản 2 Điều 358 Bộ Luật Tố tụng hình sự.

[4] Đối với hành vi của Lê Thanh BC1 về tội “Tàng trữ tái phép chất ma túy” Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và phán xử BC1 01 (một) năm tù đối với tội danh này là đúng người đúng tội không oan sai và cũng không bị kháng cáo kháng nghị đối với nội dung này của bản án nên giữ nguyên.

Với những sai phạm trên, Hội đồng xét xử không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm số 127/2018/HSST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với các tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Đánh bạc”. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết lại từ giai đoạn điều tra như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 345; Điểm b và Điểm đ Khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố Tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy Bản án sơ thẩm số 127/2018/HSST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với các bị cáo Lê Thanh BC1, Dương Thanh BC2, Nguyễn Tấn BC3, Nguyễn Hoàng BC4 bị xét xử về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Đánh bạc”. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết lại từ giai đoạn điều tra.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Lê Thanh BC1, Dương Thanh BC2, Nguyễn Tấn BC3, Nguyễn Hoàng BC4 theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý lại hồ sơ vụ án.

Bản án sơ thẩm xét xử Lê Thanh BC1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí phúc thẩm: các bị cáo không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tùng

Phan Nhựt Bình

Phạm Thị Duyên